

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày 25-3-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu: Ông Nguyễn Thành Lê
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21-02-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HPT ngày 09-3-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Xuân M; Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Dương Minh Tr- Giám đốc Phòng giao dịch Long Sơn - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường Đ, phường M2, thành phố V, tỉnh B

Bị đơn:

- Ông Đỗ Minh H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường V, phường Thắng Nh, thành phố V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (viết tắt là BIDV) trình bày:

Ngày 04-12-2019, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu đã ký kết hợp đồng tín dụng 01/2019/10325964/HĐTD với vợ chồng ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S. Theo đồng tín dụng 01/2019/10325964/HĐTD, BIDV đã cho ông H, bà S vay số tiền là 3.400.000.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày 04-12-2019 đến ngày 04-12-2020), lãi suất trong hạn 10,4%/năm cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh trang trí nội thất, thiết bị vệ sinh.

Để đảm bảo số tiền vay cho hợp đồng tín dụng nêu trên, ông H bà S đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm diện tích đất 100,4m² (trong đó diện tích đất ở là 60m², đất trồng cây hàng năm khác là 40,4m²) thuộc thửa đất số 413, tờ bản đồ số 48, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 370243, số vào sổ cấp giấy CS-03933 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp cho ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S ngày 28-10-2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H bà S đã thanh toán được 167.596.164 đồng tiền nợ lãi, nợ gốc không trả.

Khoản vay của ông H bà S đã quá hạn trả nợ gốc từ ngày 04-12-2020 và quá hạn trả lãi. Mặc dù BIDV đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở để thu hồi nợ vay nhưng ông H bà S vẫn không trả nợ. Do vậy, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có đơn khởi kiện và yêu cầu cụ thể như sau: Buộc ông H bà S thanh toán cho BIDV tính đến ngày 25-3-2022 tổng số tiền là 4.279.641.056 đồng, trong đó tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 187.941.730 đồng, lãi quá hạn là 691.699.726 đồng; đồng thời ông H bà S còn phải trả tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong.

Trường hợp ông H bà S không thanh toán đủ số nợ trên thì yêu cầu tòa án tuyên xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thanh toán nợ cho ngân hàng.

Bị đơn ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng nên tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình

giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Ngày 04-12-2019, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bà Rịa -Vũng Tàu và ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2019/10325964/HĐTD, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh trang trí nội thất, thiết bị vệ sinh là vì mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Xét thấy, theo hợp đồng, địa chỉ của ông H, bà S là đường V, phường Thắng Nh, thành phố V, tỉnh B nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Minh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Bị đơn ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với số tiền gốc:

Lời khai của đại diện nguyên đơn về việc cho ông H, bà S vay số tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm triệu đồng) hoàn toàn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 3.400.000.000 đồng là hoàn toàn có thật. Tính đến ngày 25-3-2022, ông H bà S còn nợ BIDV số tiền gốc 3.400.000.000 đồng. Vì vậy, việc BIDV

yêu cầu ông H bà S trả số tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. *Đối với số tiền lãi*: ông H bà S đã vi phạm thời hạn trả nợ nên phải chịu lãi suất, tính đến ngày 25-3-2022, ông H bà S còn nợ tiền lãi trong hạn là 187.941.730 đồng, lãi quá hạn là 691.699.726 đồng nên buộc ông H bà S trả số tiền lãi nêu trên và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, từ ngày 26-3-2022 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở theo Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ và pH tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của BIDV về việc buộc ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S phải thanh toán cho BIDV tổng số tiền tổng tính đến ngày 25-3-2022 là 4.279.641.056 đồng, trong đó tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 187.941.730 đồng, lãi quá hạn là 691.699.726 đồng và ông H bà S còn phải trả tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, từ ngày 26-3-2022 cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Về hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/10325964/HĐBĐ ngày 02-12-2019

Để đảm bảo cho số tiền vay theo hợp đồng số 01/2019/10325964/HĐTD ngày 04-12-2019, bị đơn đã ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/10325964/HĐBĐ ngày 02-12-2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 100,4m² (trong đó diện tích đất ở là 60m², đất trồng cây hàng năm khác là 40,4m²) và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà cấp 4, 1 tầng và các vật phụ, trang thiết bị gắn liền với tài sản thế chấp thuộc thửa đất số 413, tờ bản đồ số 48, phường Thắng Nh, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 370243, sổ vào sổ cấp giấy CS-03933 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S ngày 28-10-2019.

Xét các bên đương sự ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối hay ép buộc. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại phòng Công chứng số 1, tỉnh B ngày 02-12-2019, sau thế chấp nguyên đơn đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V ngày 03-12-2019 do đó có cơ sở xác định nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị bảo đảm thanh toán cho tổng số tiền nợ của bị đơn đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2019/10325964/HĐTD ngày 04-12-2019 theo các Điều 317, 318, 319, 320, 321 và Điều 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó trường hợp bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp để thanh toán số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[4. Chí phí thẩm định]: do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân

sự, bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn.

[5]. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S.

[1]. Buộc ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25-3-2022) tổng số tiền là 4.279.641.056 đồng (bốn tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, S trăm bốn mươi một ngàn, không trăm năm mươi S đồng), trong đó tiền nợ gốc 3.400.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 187.941.730 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi một ngàn, bảy trăm ba mươi đồng), lãi quá hạn là 691.699.726 đồng (S trăm chín mươi một triệu, S trăm chín mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi S đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/10325964/HĐTD ngày 04-12-2019 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26-3-2022) cho đến khi trả hết nợ, ông H và bà S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/10325964/HĐTD ngày 04-12-2019 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S.

Trường hợp ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/10325964/HĐBĐ ngày 02-12-2019 là: quyền sử dụng diện tích đất 100,4m² (trong đó diện tích đất ở là 60m², đất trồng cây hàng năm khác là 40,4m²) và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà cấp 4, 1 tầng và các vật phụ, trang

thiết bị gắn liền với tài sản thế chấp thuộc thửa đất số 413, tờ bản đồ số 48, phường Thắng Nh, thành phố V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 370243, sổ vào sổ cấp giấy CS-03933 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S ngày 28-10-2019.

[2] Chí phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nguyên đơn đã tạm ứng đủ nên bị đơn ông H, bà S phải thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị S phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.279.641 đồng (một trăm mười hai triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn, S trăm bốn mươi một đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 53.200.000 đồng (năm mươi ba triệu, hai trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003507 ngày 19-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngát

